

Bản án số: 197/2017/HC-PT
Ngày 18 tháng 8 năm 2017
V/v: “Khiếu kiện Quyết định hành chính
trong trường hợp giải quyết tranh chấp
đất đai”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Yên;

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Văn;

Ông Phạm Công Mười.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 182/2015/TLPT-HC ngày 14 tháng 12 năm 2015 về việc “Khiếu kiện Quyết định hành chính trong trường hợp giải quyết tranh chấp đất đai”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 04/2015/HC-ST ngày 25 tháng 9 năm 2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 243/2016/QĐPT-HC ngày 10 tháng 6 năm 2016 giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1968. (có mặt);

Địa chỉ: ấp B2, xã TT, huyện TT1, tỉnh Sóc Trăng.

Người bảo vệ quyền lợi cho người khởi kiện: Luật sư Nguyễn Thiện Đ – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

*** Người bị kiện:**

1/. Chủ tịch UBND tỉnh ST, (xin vắng mặt);

Địa chỉ: số 01 CVT, Phường 2, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

Người bảo vệ quyền lợi cho người bị kiện: Ông Triệu Công D – Phó giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh ST, (có mặt).

2/. Chủ tịch UBND huyện TT1, tỉnh Sóc Trăng, (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp 1, thị trấn PL, huyện TT1, tỉnh Sóc Trăng.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Lê Văn M, sinh năm 1956. (có mặt)

Địa chỉ: ấp 21, xã TT, huyện TT1, tỉnh Sóc Trăng.

* **Người kháng cáo:** Người khởi kiện – ông Nguyễn Văn H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Trước năm 1975, cha ông Nguyễn Văn H là ông Nguyễn Văn D (chết năm 1996) có khai phá và sử dụng phần đất hoang có diện tích khoảng 10ha, tọa lạc tại ấp 21, xã TT, huyện TT1, tỉnh Sóc Trăng. Ông D đã canh tác, sử dụng ổn định và liên tục, đến năm 1977 Nhà nước thực hiện chính sách liên canh liền cư nên ông D về nhận đất để sản xuất tại ấp 23, xã Vĩnh Lợi, huyện TT1 tỉnh Sóc Trăng (nơi có nhà ở và hộ khẩu thường trú). Diện tích đất của ông D tại ấp 21, xã TT chính quyền địa phương cắt chia cho nhiều hộ sử dụng, trong đó có hộ ông M. Đến năm 1988, giải thể tập đoàn (Hợp tác xã) và Nhà nước có chủ trương trả lại đất gốc nên đến năm 1990 ông D có làm đơn yêu cầu các hộ dân B phải trả đất gốc.

Về phía ông M xác định do đất bị nhiễm phèn và mặn canh tác không hiệu quả, phải đóng thuế phụ thu cao nên vào năm 1977 ông D bỏ hoang đất không sử dụng, năm 1980 được chính quyền địa phương cấp nên ông M phục hóa sử dụng liên tục diện tích 1ha27 (12.700m²). Năm 1995 ông p yêu cầu ông M trả lại đất, gia đình ông M không đồng ý nên phát sinh tranh chấp.

Ngày 26/06/1995 Chủ tịch UBND huyện TT1 ban hành Quyết định số 222/QĐ.UBH.95 về việc giải quyết ruộng đất giữa một bên là hộ ông Lê Văn M (ngụ ấp 21, xã TT), một bên là hộ Nguyễn Văn M1 (cư ngụ ấp B2, xã TT) và hộ ông Nguyễn Văn T (ngụ ấp 23, xã Vĩnh Lợi) với nội dung: “*Nay thu hồi phần đất có diện tích 1,27ha tọa lạc tại ấp 21, xã TT hiện ông M đang sử dụng; Giao quyền sử dụng đất diện tích 1,27ha đã nêu trên cho hộ ông M1, ông T (con ông D) sử dụng: Hộ ông M1 diện tích 1,10ha và hộ ông T diện tích 0,17ha...*”.

Sau khi triển khai quyết định ông Lê Văn M tuy không đồng ý với quyết định nhưng vẫn thực hiện và khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh.

Đến năm 1997, diện tích trên (là 12.700m²) để lại cho ông Nguyễn Văn H sử dụng, đến ngày 11/01/1997 UBND huyện TT1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H474759 cho hộ ông Nguyễn Văn H (thửa 106) và ngày 09/02/1996 UBND huyện TT1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 0730554 cho hộ ông Lê Văn M (thửa 1010), cùng tờ bản đồ số 05, loại đất LUA, tọa lạc tại ấp 21, xã TT, huyện TT1, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 24/10/1997 Chủ tịch UBND tỉnh ST ban hành Quyết định số 794/QĐ.HC.97 về việc giải quyết tranh chấp đất ruộng giữa ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Văn M với ông D1, ông T, ông M1 con ông Nguyễn Văn D cư ngụ ấp 21, xã TT, huyện TT1, tỉnh Sóc Trăng, với nội dung: “*Hủy Quyết định số 216/QĐ.UBH.95 ngày 26/06/1995 và Quyết định số 222/QĐ.UBH.95 ngày 26/06/1995 của Chủ tịch UBND huyện TT1; Đồng thời giao diện tích đất tranh chấp 1ha27 cho ông M sử dụng và giao 1ha82 đất tranh chấp cho ông Lê Văn T2*

sử dụng; Ông M và ông T2 phải trả hoa lợi ruộng đất cho các con ông D theo khung giá được quy định tại Quyết định 73/QĐ.UBT.95 ngày 27/03/1995 của UBND tỉnh”. Các con ông D không đồng ý theo quyết định, đồng thời chiếm đất sử dụng từ năm 1977 cho đến nay. Ông M khiếu nại và có nhiều văn bản chỉ đạo yêu cầu thi hành Quyết định số 794/QĐ.HC.97 ngày 24/10/1997 của Chủ tịch UBND tỉnh ST.

Ngày 25/07/2008, Thanh tra huyện kết hợp với Phòng TN&MT huyện, UBND xã TT tiến hành kiểm tra và giao đất cho ông M, sau khi giao đất ông M xa và thu hoạch vụ hè thu năm 2008, đến vụ đông xuân năm 2008 ông H tiếp tục chiếm và sử dụng hết diện tích đất của ông M.

Ngày 13/03/2009, UBND huyện TT1 ban hành Quyết định số 438 thu hồi một phần diện tích trong GCNQSDĐ của ông H (nằm trong đất tranh chấp với ông M), không đồng ý với quyết định ông H khiếu nại. Ngày 30/07/2009, Chủ tịch UBND huyện TT1 ban hành Quyết định số 912 giải quyết khiếu nại, bác đơn ông H.

Ngày 28/12/2009, Chủ tịch UBND huyện TT1 ban hành Quyết định xử phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông H, ngày 29/12/2009 triển khai và tổng đạt quyết định nhưng ông H không chấp hành quyết định và khiếu nại. Ngày 25/01/2010, Chủ tịch UBND huyện TT1 ban hành Quyết định số 155 giải quyết khiếu nại, bác đơn ông H; ông H tiếp tục khiếu nại.

Ngày 01/02/2010, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 55/QĐTC-CT.UBND về việc thành lập tổ công tác kiểm tra việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn P, Lê Thị H1, ngụ ấp B2, xã TT, huyện TT1, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 15/07/2010, làm việc trực tiếp với ông M và ông H để hòa giải tranh chấp theo chỉ đạo của UBND tỉnh, qua trao đổi:

+ Ông M đồng ý nhận 8.000m² (trong diện tích thực tế 12.700m² tranh chấp), diện tích còn lại 4.700m² giao cho ông H sử dụng, ông M không phải bồi hoàn giá trị QSDĐ và chấm dứt khiếu nại.

+ Ông Hiện đồng ý trả giá trị QSDĐ cho ông M giá 2.000.000đồng/1.000m², không đồng ý giao đất theo Quyết định số 794/QĐ.HC.97 ngày 24/10/1997 của Chủ tịch UBND tỉnh ST.

Ngày 28/07/2011, Chủ tịch UBND huyện TT1 ban hành Quyết định số 2885 cưỡng chế hành chính đối với ông H. Ngày 16/08/2011, cưỡng chế giao đất cho ông M. Ngày 23/12/2011, ông H tiếp tục chiếm lại đất.

Ngày 16/07/2012, Chủ tịch UBND tỉnh ST ban hành Quyết định số 16/GQKN-CT.UBND về việc giải quyết khiếu nại, với nội dung: “Thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 794/QĐ.HC.97 ngày 24/10/1997 của Chủ tịch UBND tỉnh ST; Thu hồi, hủy bỏ các Quyết định số 216/QĐ.UBH.95 và Quyết định số 222/QĐ.UBH.95 ngày 26/06/1995 của Chủ tịch UBND huyện TT1; Giao cho Chủ tịch UBND huyện TT1 tổ chức công bố, triển khai thực hiện quyết định này, ban hành quyết định thu hồi hủy bỏ GCNQSDĐ của ông Nguyễn Văn M1, ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Tấn N; đồng thời ban hành quyết định giải quyết vụ tranh chấp đất

đại giữa bà Lê Thị N1, ông Nguyễn Văn M với ông Nguyễn Văn P, ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị H1 theo thẩm quyền, đúng quy định pháp luật”. Ngày 01/08/2012, triển khai quyết định, các con ông D đồng ý Điều 1, không đồng ý Điều 2 quyết định; ông M không đồng ý; tất cả tiếp tục khiếu nại.

Ngày 03/06/2013, UBND huyện TT1 ban hành Quyết định số 822 và 825 thu hồi giấy chứng nhận QSDĐ đã cấp cho ông M và ông H, lý do giấy cấp trái pháp luật và đã triển khai quyết định vào ngày 20/6/2013.

Ngày 17/6/2013, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất có thông báo số 03 và 06 thông báo thu hồi GCNQSDĐ của ông M và ông H nhưng các hộ này không giao giấy CNQSDĐ cho Văn phòng đăng ký để điều chỉnh giấy CNQSDĐ.

Ngày 02/10/2013, UBND huyện TT1 ban hành Quyết định số 1297 và 1299 hủy bỏ giấy CNQSDĐ của ông H và ông M.

Ngày 04/10/2013, ông Lê Văn M có đơn yêu cầu gửi đến UBND huyện TT1 xem xét giải quyết tranh chấp giữa ông M với ông Nguyễn Văn H; ông M yêu cầu ông H trả lại diện tích 12.700m² (thửa 1010 diện tích 10.309,5m² và thửa 106 diện tích 2.390,5m², loại đất lúa).

Ngày 19/5/2014 Chủ tịch UBND huyện TT1 ban hành Quyết định số 606/QĐ-CT.UBND về việc giải quyết tranh chấp QSDĐ giữa ông Lê Văn M, ngụ ấp 21, xã TT với ông Nguyễn Văn H ngụ ấp B2, xã TT, huyện TT1, tỉnh Sóc Trăng, với nội dung: “*Chấp nhận đơn yêu cầu của ông Lê Văn M về việc tranh chấp đòi lại QSDĐ; Buộc ông Nguyễn Văn H...phải giao trả cho Lê Văn M diện tích đất 10.309m² (diện tích thực tế) tại thửa số 1010, tờ bản đồ số 05, loại đất LUA, tọa lạc ấp 21, xã TT, huyện TT1, tỉnh Sóc Trăng (có sơ đồ vị trí đất kèm theo)*” (sau đây gọi Quyết định 606). Ngày 23/05/2014, triển khai quyết định, ông H nhận quyết định và có đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh ST.

Ngày 31/12/2014 Chủ tịch UBND tỉnh ST ban hành Quyết định số 70/QĐKN-CT.UBND về việc giải quyết tranh chấp đất giữa ông Lê Văn M và ông Nguyễn Văn H với nội dung công nhận và giữ nguyên Quyết định số 606/QĐ-CT.UBND ngày 19/5/2014 của Chủ tịch UBND huyện TT1.

Ngày 10/02/2015, ông Nguyễn Văn H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 606/QĐ-CT.UBND ngày 19/5/2014 của Chủ tịch UBND huyện TT1 và đến ngày 06/03/2015 có đơn khởi kiện (bổ sung) yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 70/QĐKN-CT.UBND ngày 31/12/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh ST.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2015/HC-ST ngày 25/9/2015, Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 30, Điều 138, Điều 163, Điều 164, Điều 27 Luật Tố tụng hành chính; Áp dụng khoản 2 Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng hủy Quyết định số 606/QĐ-CT.UBND ngày 19/5/2014 của Chủ

tịch UBND huyện TT1 và Quyết định số 70/QĐKN-CT.UBND ngày 31/12/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh ST.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/10/2015, người khởi kiện ông Nguyễn Văn H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Người khởi kiện và giữ nguyên bản án số 04/2015/HC-ST ngày 25/09/2015 về việc khiếu kiện quyết định hành chính về giải quyết tranh chấp đất đai.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát, của người khởi kiện, người bị kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về hình thức đơn kháng cáo của người khởi kiện trong hạn luật định nên chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Xét nội dung đơn kháng cáo và đối chiếu với bản án sơ thẩm đã xét xử thì thấy:

Về đối tượng khởi kiện: Căn cứ Điều 28 Luật tố tụng hành chính (2010) và Nghị quyết 01/2015/NQ-HĐTP ngày 15/01/2015 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị Quyết 02/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật tố tụng hành chính cấp sơ thẩm xác định đúng đối tượng khởi kiện.

Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ Điều 104 Luật tố tụng hành chính (2010) cấp sơ thẩm xác định còn thời hiệu khởi kiện là phù hợp.

Về nội dung: Xem xét tính hợp pháp và tính có căn cứ của quyết định số 606/QĐ-CT-UBND ngày 19.5.2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện TT1 và quyết định số 70/QĐKN-CT-UBND ngày 31/12/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Xét thấy: Nguồn gốc đất tranh chấp, trước năm 1975 ông Nguyễn Văn D (cha của ông H) khai phá đất hoang diện tích khoảng 10ha và sử dụng đến năm 1977. Do đất bị nhiễm mặn, phèn sản xuất không có hiệu quả, hơn nữa ông D phải đóng thuế phụ thu cho nhà nước cao nên ông D bỏ đất này về khai phá và sử dụng đất ở gần nhà ông D thuộc ấp 23, xã Vĩnh Lợi, đất này bỏ hoang. Năm 1980 chính quyền địa phương ấp 21 cấp đất này cho ông Lê Văn M để canh tác sinh sống. Sau khi nhận đất ông M tiếp tục phục hóa và canh tác cho đến năm 1995 thì các bên phát sinh tranh chấp. Quá trình giải quyết tranh chấp Ủy ban nhân dân huyện TT1 đã ban hành nhiều quyết định nhưng các bên không thực hiện, đến ngày 19/5/2014 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện TT1 ban hành quyết định số 606 về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Lê Văn M với ông Nguyễn Văn H.

Căn cứ pháp lý ban hành quyết định 606 là khoản 2 Điều 10 Luật đất đai năm 2003; điểm d khoản 1 Điều 4 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật đất đai năm 2003 là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật vì thực tế ông D đã bỏ đất từ năm 1977, đến năm 1980 nhà nước có chủ trương giao đất cho ông M canh tác là phù hợp với chính sách đất đai lúc bấy giờ và Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã giao cho người khác sử dụng (Điều 10 Luật đất đai năm 2003) nên việc Ủy ban nhân dân huyện TT1 buộc ông Nguyễn Văn H (con ông D) phải giao trả cho ông Lê Văn M diện tích 10.309,5m² là đúng pháp luật.

Về Thẩm quyền: Căn cứ khoản 1, 2 và 5 Điều 50, khoản 2 Điều 136 Luật đất đai năm 2003 xác định thẩm quyền giải quyết tranh chấp trong trường hợp này thuộc Ủy ban nhân dân là phù hợp vì: Trong quá trình giải quyết tranh chấp giữa ông H với ông M thì ngày 26/06/1995 Ủy ban nhân dân huyện TT1 cấp quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn H thửa 106 và hộ ông Lê Văn M thửa 1010. Do đất đang tranh chấp mà được cấp quyền sử dụng là không đúng nên ngày 03/6/2013 và ngày 04/10/2013 Ủy ban nhân dân huyện TT1 đã ra quyết định thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông H và ông M. Do đó, đất đang tranh chấp lúc này là đất không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cũng không có vật, kiến trúc trên đất nên thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân là đúng quy định của pháp luật. Do đó, xác định việc Ủy ban nhân dân huyện TT1 ban hành quyết định 606 là có căn cứ và đúng pháp luật.

Không đồng ý với quyết định 606, ông Nguyễn Văn H tiếp tục khiếu nại, ngày 31/12/2014 Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh Sóc Trăng ban hành quyết định số 71/QĐKN-CT-UBND về việc bác khiếu nại và giữ y Quyết định số 606 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện TT1. Xét thấy, việc ban hành quyết định số 71 là phù hợp và có căn cứ nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H là đúng quy định pháp luật.

Xét thấy, cấp sơ thẩm xét xử phù hợp theo quy định của pháp luật và tại phiên tòa hôm nay phía người khởi kiện cũng không đưa ra được những chứng cứ khác nên không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn H.

Tại phiên tòa ngày hôm nay vị đại diện Viện kiểm sát cấp cao đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo của người khởi kiện, giữ y bản án sơ thẩm phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Do kháng cáo của người khởi kiện không được chấp nhận nên phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 241 của Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn H

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 04/2015/HC-ST ngày 25/9/2015 của Tòa án nhân tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 30, Điều 138, Điều 161, Điều 163 và Điều 164, Điều 27 Luật tổ tụng hành chính (2010).

Áp dụng khoản 2 Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa Án.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu hủy Quyết định số 606/QĐ-CT.UBND ngày 19/5/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện TT1 và Quyết định số 70/QĐKN-CT.UBND ngày 31/12/2014 của Chủ tịch Ủy ban tỉnh Sóc Trăng.

Ông Nguyễn Văn H phải chịu 200.000 đồng tiền án phí phúc thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 008296 ngày 09/10/2015 của cục thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- Dương sự;
- Lưu HS, Vp, (Án HTKN).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phan Văn Yên